BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP.HCM

MẪU IN C2040

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 3000/QĐ-ĐHNL-ĐT, Ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Hiệu trưởng)

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Nông học
Ngành đào tạo: Nông học **Chuyên ngành: Nông học**
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 135 TC
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	HK	Học Trước	Tiên Quyết	Song Hành
I. Khối Kiến Thức Cơ Bản :														
I.1 Nhóm Học Phần Bắt Buộc :														
1	202112	Toán cao cấp B1	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	1			
2	202301	Hóa học đại cương	3.0	45.0	45.0	0.0	0	0.0	0.0	1	1			202304
3	202304	Thí nghiệm Hóa ĐC	1.0	30.0	0.0	30.0	0	0.0	0.0	1	1			202301
4	202401	Sinh học đại cương	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	1			202402
5	202402	Thực hành Sinh học Đại cương	1.0	30.0	0.0	30.0	0	0.0	0.0	1	1			202401
6	214103	Tin học đại cương	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	1	1			
7	200106	Các ng.lý CB của CN MácLênin	5.0	75.0	75.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			
8	200201	Quân sự 1 (lý thuyết)*	3.0	45.0	45.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			
9	200202	Quân sự (thực hành)*	3.0	90.0	0.0	90.0	0	0.0	0.0	1	2			
10	202113	Toán cao cấp B2	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2	202112		
11	202501	Giáo dục thể chất 1*	1.0	45.0	0.0	45.0	0	0.0	0.0	1	2			
12	202620	Kỹ năng giao tiếp	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
13	202622	Pháp luật đại cương	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			
14	202502	Giáo dục thể chất 2*	1.0	45.0	0.0	45.0	0	0.0	0.0	2	1			
15	200104	Đường lối CM của Đảng CSVN	3.0	45.0	45.0	0.0	0	0.0	0.0	2	2			
16	213603	Anh văn 1	4.0	60.0	60.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1			
17	213604	Anh văn 2	3.0	45.0	45.0	0.0	0	0.0	0.0	3	2	213603		
18	200107	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1			
Cộng			**43.0**	**795.0**	**525.0**	**270.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Nông học
Ngành đào tạo: Nông học **Chuyên ngành: Nông học**
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 135 TC
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	HK	Học Trước	Tiên Quyết	Song Hành
I.2 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0101 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	202621	Xã hội học đại cương	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
2	208104	Kinh tế nông nghiệp đại cương	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
3	208414	Quản trị trang trại	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
Cộng			**6.0**	**90.0**	**90.0**	**0.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
I.3 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0201 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	204920	Quan hệ công chúng	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
2	204921	Tiếp thị nông nghiệp	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
3	208531	Xây dựng và quản lý dự án	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			204618
Cộng			**6.0**	**90.0**	**90.0**	**0.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
II. Khối Kiến Thức Cơ Sở Ngành :														
II.1 Nhóm Học Phần Bắt Buộc :														
1	204618	Phương pháp tiếp cận khoa học	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2	202112		
2	202121	Xác suất thống kê	3.0	45.0	45.0	0.0	0	0.0	0.0	2	1	202113		
3	204107	Sinh hóa thực vật	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	2	1	202301		
4	204303	Khoa học đất cơ bản	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	2	1	204534		
5	204615	Khí tượng nông nghiệp	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	2	1	204534		
6	204103	Sinh lý thực vật	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	2	2	202401		
7	204204	Di truyền thực vật	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	2	2	202401		
8	204616	Phương pháp thí nghiệm	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	3	1	202121		
Cộng			**19.0**	**360.0**	**210.0**	**150.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Nông học
Ngành đào tạo: Nông học **Chuyên ngành: Nông học**
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 135 TC
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	HK	Học Trước	Tiên Quyết	Song Hành
II.2 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0301 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	202416	Thực vật học và phân loại TV	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	2	1	202401		204107
2	204110	Sinh học phân tử trong NN	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	2	1	202401		204107
3	204208	Công nghệ SH trong NN	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	2	1	202401		204107
Cộng			**6.0**	**120.0**	**60.0**	**60.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
III. Khối Kiến Thức Chuyên Ngành :														
III.1 Nhóm Học Phần Bắt Buộc :														
1	204534	Nông học đại cương	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	1	1			
2	204424	Thực tập cơ sở 1	2.0	90.0	0.0	0.0	90	0.0	0.0	1	2	204534		
3	204423	Khuyến nông	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	2	1	204424		
4	204535	Rèn nghề 1	1.0	45.0	0.0	45.0	0	0.0	0.0	2	1	204424		
5	204301	Độ phì và phân bón	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	2	2	204303		
6	204425	Thực tập cơ sở 2	2.0	90.0	0.0	0.0	90	0.0	0.0	2	2	204535		
7	204536	Rèn nghề 2	2.0	90.0	0.0	90.0	0	0.0	0.0	2	2	204535		
8	204734	Bệnh cây	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	2	2	204107		
9	204205	Chọn giống cây trồng	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	3	1	204204		
10	204735	Côn trùng	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	3	1	204734		
11	204418	Cây rau	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	3	2	204205		
12	204421	Cây ăn quả	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	3	2	204205		
13	204422	Cây lương thực	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	3	2	204205		
14	204537	Thực tập giáo trình 1	2.0	90.0	0.0	0.0	90	0.0	0.0	3	2	204425		
15	204709	Thuốc bảo vệ thực vật	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	2	204735		
16	204417	Hoa và cây kiểng	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	4	1	204537		
17	204532	Cây công nghiệp dài ngày	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	4	1	204537		
18	204533	Cây công nghiệp ngắn ngày	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	4	1	204537		

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Nông học
Ngành đào tạo: Nông học **Chuyên ngành: Nông học**
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 135 TC
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	HK	Học Trước	Tiên Quyết	Song Hành
19	204538	Thực tập giáo trình 2	2.0	90.0	0.0	0.0	90	0.0	0.0	4	1	204537		
20	204617	Thủy nông	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1	204303		
Cộng			**43.0**	**1125.0**	**330.0**	**435.0**	**360**	**0.0**	**0.0**					
III.2 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0401 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	203703	Chăn nuôi đại cương	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1	204425		
2	205425	Hệ thống nông lâm kết hợp	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1	204425		
3	211315	Thủy sản đại cương	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1	204425		
Cộng			**5.0**	**75.0**	**75.0**	**0.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
III.3 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0501 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	204311	GAP và nông nghiệp hữu cơ	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1	204425		
2	204502	Hệ thống canh tác	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1	204425		
3	204729	Đa dạng sinh học thực vật	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1	204425		
Cộng			**6.0**	**90.0**	**90.0**	**0.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
III.4 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0601 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	204210	Chọn giống chuyên khoa	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	3	2	204205		
2	204211	Công nghệ nhân giống	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	3	2	204205		
3	210303	Bảo quản sau thu hoạch	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	3	2	204205		
Cộng			**6.0**	**120.0**	**60.0**	**60.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Nông học
Ngành đào tạo: Nông học **Chuyên ngành: Nông học**
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 135 TC
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	HK	Học Trước	Tiên Quyết	Song Hành
III.5 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0701 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	204313	Bảo tồn đất và nước	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1	204709		
2	204722	Khoa học cỏ dại	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1	204709		
3	204738	Bảo vệ MT nông nghiệp	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1	204709		
Cộng			**6.0**	**90.0**	**90.0**	**0.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
III.6 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0801 - Phải Đạt Tối Thiểu : 2 TC														
1	204109	Vi sinh vật nông nghiệp	2.0	45.0	15.0	30.0	0	0.0	0.0	4	1	204537		
2	204111	Sản xuất nấm	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1	204537		
3	204518	Cây dược liệu	2.0	30.0	30.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1	204537		
Cộng			**6.0**	**105.0**	**75.0**	**30.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					
III.7 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 0901 - Phải Đạt Tối Thiểu : 4 TC														
1	204909	Báo cáo chuyên đề 1	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	1	1			
2	204911	Báo cáo chuyên đề 2	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	1	2			
3	204912	Báo cáo chuyên đề 3	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	2	1			
4	204913	Báo cáo chuyên đề 4	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	2	2			
5	204914	Báo cáo chuyên đề 5	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	3	1			
6	204915	Báo cáo chuyên đề 6	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	3	2			
7	204916	Báo cáo chuyên đề 7	1.0	15.0	15.0	0.0	0	0.0	0.0	4	1			
Cộng			**7.0**	**105.0**	**105.0**	**0.0**	**0**	**0.0**	**0.0**					

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Hệ đào tạo: Đại học Chính quy (Tín chỉ)
Khoa đào tạo: Nông học
Ngành đào tạo: Nông học **Chuyên ngành: Nông học**
Tổng số tín chỉ tích lũy tối thiểu: 135 TC
Điểm trung bình tích lũy tối thiểu: 2.0

STT	Mã HP	Tên học phần	TC	TS	LT	TH	TT	DA	LA	Năm	HK	Học Trước	Tiên Quyết	Song Hành
III.8 Nhóm Học Phần Bắt Buộc Tự Chọn 1001 - Phải Đạt Tối Thiểu : 10 TC														
1	204112	CĐ sinh lý TV UD trong SXNN	2.0	45.0	0.0	0.0	0	45.0	0.0	4	2	204538		
2	204215	CĐ giống trong SX CT bền vững	2.0	60.0	15.0	0.0	0	45.0	0.0	4	2	204538		
3	204315	CĐDD cây trồng trong SXCTBV	2.0	60.0	15.0	0.0	0	45.0	0.0	4	2	204538		
4	204540	Chuyên đề sản xuất cây trồng	3.0	60.0	30.0	30.0	0	0.0	0.0	4	2	204538		
5	204751	CĐ BVTV trong SXNNAT& bền vững	2.0	60.0	15.0	0.0	0	45.0	0.0	4	2	204538		
6	204924	Tiểu luận cuối khóa	5.0	150.0	0.0	0.0	0	0.0	150.0	4	2	204538		
7	204925	Khóa luận tốt nghiệp	10.0	150.0	0.0	0.0	0	0.0	150.0	4	2	204538		
Cộng			26.0	585.0	75.0	30.0	0	180.0	300.0					

Tổng Số Tín Chỉ Bắt Buộc : 105 TC
Tổng Số Tín Chỉ Các Nhóm Tự Chọn : 30 TC
(*) Học phần điều kiện, khi hoàn thành sinh viên sẽ được cấp chứng chỉ.
Nhóm tốt nghiệp (III.8) có 3 hình thức lựa chọn:

1. **Khóa luận tốt nghiệp (10 TC)**
2. **Tiểu luận tốt nghiệp (5 TC) + phải đạt thêm 5 TC nhóm tự chọn chuyên ngành III.8**
3. **Các học phần thay thế tốt nghiệp (phải đạt thêm 10 TC nhóm tự chọn chuyên ngành III.8)**

TP.HCM, Ngày 22 tháng 10 năm 2014

Hiệu Trưởng
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM TP. HỒ CHÍ MINH
PGS.TS. Nguyễn Hay

Trưởng Phòng Đào Tạo
TS. Trần Đình Lý

Trưởng Khoa/ Bộ môn
TS. Võ Thái Dân